

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HS-PT

Ngày: 19-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang D.

Ông Bạch Đăng Thi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: bà Lâm Thị Hồng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 19/02/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 229/TLPT-HS ngày 01 Tg 12 năm 2018 đối với bị cáo Phùn Kim S do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 81/2018/ HS-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phùn Kim S**, sinh năm 1990; tên gọi khác: A

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 9/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùn Văn P, sinh năm 1969 và bà: Trần Thị L, sinh năm 1968; Gia đình có 04 chị em, bị can là thứ hai; Vợ: Hoàng Thị D, sinh năm 1991; Có 2 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/5/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Bá N – Luật sư thuộc công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1 Bắc Giang. Ông Hoàng Trọng N- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang. Ông Dương Minh K, luật sư thuộc Văn phòng luật sư Dương Minh N, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Đầu năm 2012, Phùn Kím S, sinh năm 1990 ở thôn N, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang được bác họ là Phùn Nhúc P, khoảng 70 tuổi ở khu S, huyện N, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc gọi điện thoại về bảo S tìm người đưa sang Trung Quốc chặt mía thuê cho nhà P, tiền công chặt mía là 01NDT/01 bó hoặc làm theo công nhật là 70NDT/01 ngày. Từ cuối năm 2012 đến ngày 13/3/2018, Phùn Kím S đã 04 lần đưa 19 người (bằng 25 lượt người) đi vượt biên sang Trung Quốc chặt mía thuê, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng Tg 11/2012 (Tg 10/2012 âm lịch), S tìm và rủ Phùn Văn T, sinh năm 1987 ở thôn N, xã T, huyện S; Hoàng Văn B, sinh năm 1969; Hoàng Thị Q, sinh năm 1994; Hoàng Thị Sinh, sinh năm 1990 đều ở thôn Đ, xã Y, huyện S sang Trung Quốc lao động cùng S, chi phí đi lại do người lao động tự trả. Khi đi, S hẹn 04 người lao động tập chung ở ngã ba Y, huyện S, S đón xe buýt đưa các lao động xuống thành phố B; sau đó S đón xe khách đưa các lao động đến ngã tư M, thành phố L, rồi đón xe ô tô (xe cóc) đưa các lao động đến khu vực cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây, S nhờ người lái xe cóc thuê một người phụ nữ (S không quen biết) đưa vượt biên sang Trung Quốc qua đường mòn biên giới Việt– Trung với chi phí 100.000 đồng/01 người. Khi sang đến chợ Ái Diễm, thuộc Trung Quốc thì S đón xe cóc đưa mọi người đến nhà ông P, ở khu Sín Phở, huyện N, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc để làm việc. S cùng T, D, B, Q chặt mía thuê được khoảng 01 Tg thì về Việt Nam. S khai chi phí đi lại do người lao động tự chi trả, S không được hưởng lợi gì.

- Lần 2: Khoảng giữa Tg 02/2013 (Tg 011/2013 âm lịch), S rủ Phùn Văn T, Hoàng Văn B; Ban Văn N, sinh năm 1990 ở thôn Đ, xã Y, huyện S; Phùn Văn D, sinh năm 1989 ở thôn L, xã T, huyện S sang Trung Quốc chặt mía thuê, chi phí đi lại do người lao động tự trả. Cũng như chuyến thứ nhất S đón xe ô tô đưa mọi người lên khu vực Cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, sau đó S nhờ người lái xe cóc liên hệ với một người phụ nữ (S không quen biết) đưa mọi người vượt biên sang nhà ông P chặt mía thuê. Làm được khoảng 20 ngày, S cùng mọi người về Việt Nam. Do tiền đi lại do người lao động tự trả nên S không được hưởng lợi gì.

- Lần thứ 3: Khoảng giữa Tg 11/2017 (đầu Tg 10/2017 âm lịch), S rủ Ban Văn T, sinh năm 1980; Phùn Thị N, sinh năm 1982 đều ở thôn Đ, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang; Hoàng Thị T, sinh năm 1989; Phùn Văn B, sinh năm 1986; Trương Thị L, sinh năm 1988; Phùn Thị T, sinh năm 1988 đều ở thôn N, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang sang Trung Quốc lao động chặt mía. S thu tiền chi phí đi là 1.500.000 đồng/01 người. Đến ngày đi, S thuê xe ô tô (S khai không nhớ thuê xe ô tô của ai) đến nhà S đón S cùng T, N, T, T1, trên đường đi đón B, L tại ngã ba xã Y, huyện S, S đưa người lao động lên huyện L, tỉnh

Lạng Sơn rồi đón xe cóc đưa mọi người lên khu vực cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, sau đó nhờ người lái xe cóc liên hệ với một người phụ nữ (S không quen biết) đưa mọi người vượt biên sang Trung Quốc, rồi đón xe đưa đến nhà ông P chặt mía thuê. S cùng lao động làm được khoảng 10 ngày thì về Việt Nam. S khai chuyến này sau khi trừ chi phí, S được hưởng lợi từ tiền thu của mọi người là: 4.240.000 đồng.

Lần thứ 4: Đầu Tg 3/2018, S rủ Phùn Thị H, sinh năm 1991; Phùn Văn T, sinh năm 1994; Phùn Văn K, sinh 2002 đều ở thôn N, xã T, huyện S; Lý Thị É, sinh năm 1989 ở xóm C, xã Tân Hoa, huyện L và Phùn Thị T, Phùn Thị N sang Trung Quốc lao động. Biết S chuẩn bị đi Trung Quốc lao động Hoàng Thị T; Mễ Thị X, sinh năm 1981; Trần Văn K, sinh năm 2001 ở thôn L, xã A, huyện S; Ban Văn T, sinh năm 1987 ở thôn Đ, xã Y, huyện S; Ban Văn T xin S cho đi cùng, S đồng ý. S nói với người lao động, tiền chi phí đi là 1.700.000 đồng, đi bằng hình thức vượt biên qua khu vực thác B, tỉnh Cao Bằng và thông báo cho người lao động biết S ngày 13/3/2018 sẽ đi, S thuê xe ô tô 16 chỗ của La Văn B, sinh năm 1989 ở thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang với giá 250.000 đồng/01 người đi từ thôn N, xã T, huyện S đến thác B, tỉnh Cao Bằng. Do B bận nên đã bảo Lưu Văn S, sinh năm 1982 ở thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang lái xe ô tô đến đón S và người lao động. Khoảng 10 giờ ngày 13/3/2018, Sắc lái xe đến nhà S đón S và người lao động. Trên xe ô tô, S thu được 14.000.000 đồng của người lao động. Khi xe ô tô đi đến Km 42+ 800 quốc lộ 279 thuộc địa phận thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang thì bị tổ tuần tra kiểm soát soát giao thông Công an huyện L kiểm tra, phát hiện số người trên xe đang trên đường đi tỉnh Cao Bằng để vượt biên sang Trung Quốc. Tổ công tác đã đưa người và phương tiện về Công an huyện L và bàn giao cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang giải quyết.

Quá trình điều tra bị cáo Phùn Kím S đã thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 81/2018/ HS-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phùn Kím S phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phùn Kím S 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (Từ ngày 06/5/2018). Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Ngày 24/10/2018 bị cáo Phùn Kím S nộp đơn kháng cáo với nội dung xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay bị cáo Phùn Kím S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo Phùn Kím S kháng cáo với lý do: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để được sớm trở về chăm sóc con cái. Bị cáo khẳng định lời trình bày tại phiên tòa ngày 18/10/2018 là tự nguyện, khách quan. Bị cáo không trình bày được lý do tại sao tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/10/2018 bị cáo yêu cầu triệu tập điều tra viên, nhưng phiên tòa ngày 18/10/2018 bị cáo lại không yêu cầu đối chất với điều tra viên nữa. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng một số lời khai và một số bản tự khai là do bị cáo tự khai, có một số lời khai do điều tra viên đọc cho bị cáo viết. Bị cáo xác định có thuê xe để các lao động đi sang Trung Quốc, những người lao động đưa tiền cho bị cáo để bị cáo thuê xe, sau đó dẫn các lao động đến nơi làm thuê, bị cáo đưa các lao động đi sang Trung Quốc không có bất cứ giấy tờ hợp lệ gì.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 355, 356, 357 BLTTHS để không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phùn Kím S xử giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Luật sư Nguyễn Bá N phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo S: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/10/2018 bị cáo khai không tự vẽ được sơ đồ đi sang Trung Quốc, điều tra viên đọc cho bị cáo viết lời khai. Ngày 18/10/2018 bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo không trả lời được tại sao lại thay đổi lời khai. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét có việc tổ chức đưa những người này đi nước ngoài hay không vì toàn bộ những người này nhờ bị cáo đưa đi, chứ bị cáo không rủ đi.

Luật sư Dương Minh K phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo S: đồng ý với quan điểm của luật sư N. Luật sư K cho rằng 02 lần đầu không có việc rủ rê, lôi kéo. Lần thứ 4 phạm tội chưa đạt. Cần phải xác minh làm rõ lời khai của ông P, làm rõ có đồng phạm không, là đương sự trong vụ án để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 268 Bộ luật tố tụng hình sự vụ án thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh, không thuộc thẩm quyền của cấp huyện. Cần làm rõ đơn trình báo của ông Hoàng Văn B và xác định người tên Tú con chị Phượng có liên quan đến vụ án không để tránh bỏ lọt tội phạm. Sau khi xét xử sơ thẩm có rất nhiều đơn kêu oan của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kêu oan cho bị cáo nhưng Hội đồng xét xử không triệu tập. Chưa đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội 04 lần đưa 11 người trở lên, vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng là đưa thiếu người tham gia tố tụng (ông B và ông P). Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, thông tư liên tịch số 02 năm 2017 để hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại, để chứng minh làm rõ hành vi phạm tội, xem xét có bỏ lọt tội phạm không.

Ông Hoàng Trọng N, trợ giúp viên pháp lý: đồng ý với quan điểm của luật sư Kiên.

Bị cáo S đồng ý với quan điểm của các luật sư.

Kiểm sát viên đối đáp với quan điểm của luật sư:

Đối với quan điểm của luật sư Ngọc thì thấy: căn cứ biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 17, 18/10/2018 thấy bị cáo khai hoàn toàn khách quan, phù hợp với các

lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì việc bị cáo tổ chức cho những người này đi sang Trung Quốc là có căn cứ.

Đối với quan điểm của luật sư K: Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bị cáo S đã 4 lần tổ chức đưa các lao động đi sang Trung Quốc, việc thu tiền của những lao động bị cáo đã khai ở trong hồ sơ, việc không đưa ông B và ông P vào tham gia tố tụng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Các luật sư vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Lời nói cuối cùng của bị cáo Phùn Kím S: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Phùn Kím S nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Việc luật sư K đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại là không có căn cứ, lý do:

Luật sư K yêu cầu cần chứng minh làm rõ lời khai của ông Phùn Nhức P là không cần thiết vì không ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của bị cáo, không làm thay đổi bản chất vụ án. Hơn nữa ông P đang sinh sống tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc nên cơ quan điều tra không có điều kiện xác minh, làm rõ để xử lý.

Thẩm quyền xét xử vụ án này không có vi phạm, thuộc thẩm quyền của cấp huyện.

Việc luật sư K đề nghị triệu tập một số người liên quan đến vụ án là không cần thiết vì họ đã có lời khai ở trong hồ sơ.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Phùn Kím S: qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thấy đủ cơ sở xác định: trong thời gian từ 11/2012 đến ngày 13/3/2018 bị cáo Phùn Kím S sinh năm 1990 ở thôn N, xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang đã 04 lần tổ chức đưa 25 lượt người (19 người) trên địa bàn huyện S và huyện L tỉnh Bắc Giang vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động làm thuê. Lần 1 bị cáo đưa 04 người, lần hai bị cáo đưa 04 người, lần ba bị cáo đưa 06 người, lần bốn bị cáo đưa 11 người đi trung Quốc nhưng đang trên đường đi thì bị phát hiện.

Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L xét xử bị cáo Phùn Kím S về tội " Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài " theo điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Phùn Kím S thấy:

Bị cáo S 04 lần tổ chức đưa 25 lượt người (19 người) vượt biên trái phép sang Trung Quốc là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự an toàn xã hội và trật tự quản lý hành chính của các cơ quan nhà nước, gây khó khăn trong công tác quản lý xuất nhập cảnh. Bị cáo S phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, nhất là trong tình hình hiện nay tình hình quản lý hành chính và quản lý xuất nhập cảnh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang gặp khó khăn do các hành vi đi ngời khác trốn đi nước ngoài trái phép.

Bản án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, đánh giá toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo Phùn Kím S đã xử phạt bị cáo 07 năm tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các vị luật sư và bị cáo Phùn Kím S không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Phùn Kím S như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Án phí: Do bị cáo thuộc diện thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phùn Kím S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 349; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phùn Kím S 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 06/5/2018).

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Phùn Kím S.

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- VKSND huyện L;
- TAND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung

